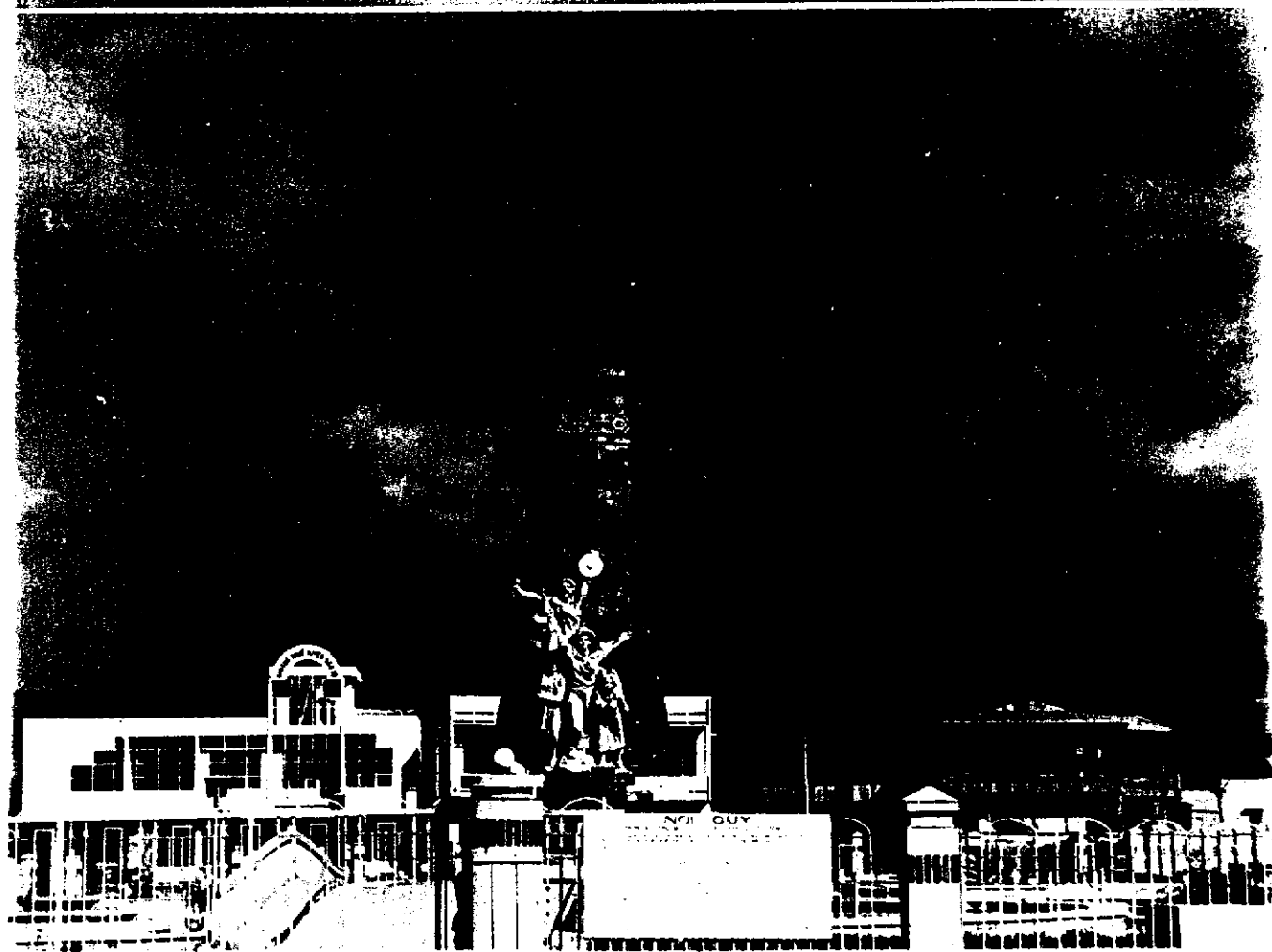


tạp chí

LỊCH SỬ QUÂN SỰ



VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM - BỘ QUỐC PHÒNG

**Tạp chí
LỊCH SỬ
QUÂN SỰ**

**MỤC LỤC
SỐ 4-1997**

ĐỖ MƯỜI	Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	1
LÊ KHẢ PHIÊU	Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, nhà lãnh đạo mẫu mực và tài năng.	3
VĂN TIẾN DŨNG	Một người con trung hiếu, mẫu mực của Đảng và nhân dân ta.	7
NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC	Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, nhà chính trị - quân sự lỗi lạc.	9
PHẠM XANH	Thế chiến II trong tầm nhìn chiến lược Hồ Chí Minh.	14
NGUYỄN THANH SƠN	Lực lượng vũ trang Thanh Hóa - 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành.	19
PHẠM VIỆT	Thanh Hóa với chiến dịch Điện Biên Phủ.	21
QUỐC VIỆT	Tìm hiểu đôi nét về Trung đội lão dân quân Hoàng Trường.	23
LÊ KIM	Đối thoại với Chủ tịch Hồ Chí Minh.	25
TRẦN TRỌNG TRUNG	Tướng Xa-lăng vào cuộc.	29
PHẦN SĨ PHÚC	Trận tiêu diệt căn cứ Ríp-cốt qua một số tư liệu nước ngoài.	31
TRẦN TIẾN HOẠT	Quảng Trị năm 1972 qua lời tự bạch của một viên tướng ngụy.	34
TRẦN QUÂN LẬP	Từ Bản Vây đến hầm Đờ Cát.	39
NGUYỄN VĂN CHUNG	Giáo dục quân sự dưới các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV.	43
DƯƠNG XUÂN ĐỒNG	Về một số trận đánh mở màn hội chiến, chiến dịch trong lịch sử Việt Nam.	46
ĐÌNH TRẦN DƯƠNG	Tiến sĩ Đình Văn Chất (1847 - 1887) - một sĩ phu yêu nước.	49
NGUYỄN VĂN KHÁNH	Lương Ngọc Quyến và khởi nghĩa Thái Nguyên.	51
	TRANG TƯ LIỆU	
NGUYỄN THẾ NGUYỄN	Tại sao a, b, c, d, e, f là chữ viết tắt chỉ các đơn vị quân đội ta.	56
NGỌC AN	Tiểu đoàn hỏa tiễn 224.	58
LÊ HUY TUẤN	"Hãy cùng chúng tôi bẻ gãy gông xiềng chung".	61
	LỊCH SỬ QUÂN SỰ THẾ GIỚI	
LÊ ĐÌNH SĨ	Bình chế Trung Quốc thời Mãn Thanh.	64
	SÁCH TRONG NƯỚC	
NGUYỄN DUY ĐẠI	Lịch sử Ngành xe - máy Quân đội nhân dân Việt Nam, tập I (1945 - 1975).	67
	SỬA LẠI CHO ĐÚNG, BÀN THÊM CHO RÕ	
VƯƠNG HỒNG	Về thời điểm một hội nghị quân sự.	69
	LỊCH SỬ VÀ NHÂN CHỨNG	
ĐOÀN VĂN KHOAN	Tiếng kèn xung trận.	72
	LỊCH SỬ QUÂN SỰ ĐÓ... ĐÂY	75
	TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC	77

Ảnh bìa 1: Tượng đài chiến thắng Đắc Tô - Tân Cảnh (Kon Tum).

Ảnh: Ung Quốc Bình

LƯU HÀNH TRONG QUÂN ĐỘI

Kỷ niệm 80 năm khởi nghĩa Thái Nguyên (30 - 8 - 1917 — 30 - 8 - 1997)

LƯƠNG NGỌC QUYẾN và KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

NGUYỄN VĂN KHÁNH (*)

Nó tới khởi nghĩa Thái Nguyên không thể không nhắc tới công lao và vai trò của một thủ lĩnh lỗi lạc, một nhà yêu nước kiên cường của phong trào Đông Du - Quang phục hội: Lương Ngọc Quyến. Mùa thu năm 1917, cùng với Trịnh Văn Cấn, Lương Ngọc Quyến đã lãnh đạo binh sĩ yêu nước và nhân dân Thái Nguyên nổi dậy đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp, giành quyền làm chủ thị xã trong một tuần lễ.

Lương Ngọc Quyến tức Lương Lập Nham, thường gọi là Ba Quyến, sinh năm Ất Dậu (1885), quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Đông (nay thuộc Hà Tây). Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng; cha là Lương Văn Can, đỗ cử nhân, sáng lập viên và là một trong những lãnh tụ của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội.

Hồi nhỏ, ông cũng đi học chữ Hán theo con đường cử nghiệp. Nhưng ~~số phận long đong, ông vốn là một học trò nổi tiếng thông minh, học giỏi nhưng lại bị hỏng thi.~~ Từ đó, Lương Ngọc Quyến chán ghét lối học từ chương khoa cử và bắt đầu hướng theo tư tưởng mới, ông tìm cách tiếp xúc với các tân thư, tân văn. Lương Ngọc Quyến cho "khoa cử là hủ bại"(1). Nhờ

được đọc các sách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu và chịu ảnh hưởng của tư tưởng duy tân, nhận thức chính trị của Lương Ngọc Quyến dần dần thay đổi. Ông tán đồng và ca ngợi tấm gương đổi mới của Pi-e đệ nhất, ông vua cải cách nước Nga và các nhà duy tân Nhật Bản. Đồng thời ông cũng quyết chí xuất dương cầu học.

Khi Phan Bội Châu từ Nhật về nước vận động thanh thiếu niên và học sinh sang Nhật du học, ông nói: "Tôi xin làm tên tốt đầu của đội quân xuất dương khổ học đi trước anh em"(2). Và Lương Ngọc Quyến đã trở thành một trong những người đầu tiên hưởng ứng và tham gia phong trào Đông Du xuất dương sang Nhật học tập.

Ngày 14 - 8 - 1905, theo kế hoạch đã định, Lương Ngọc Quyến đi Hải Phòng rồi xuống tàu ra Móng Cái để sang Đông Hưng (Trung

(*)- PGS, Phó Chủ nhiệm Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1), (2)- Đào Trinh Nhất - *Truy điệu những anh hùng liệt sĩ từ 1858 - 1945*, (tài liệu lưu giữ tại gia đình họ Lương, Nhị Khê), tr. 6 - Dẫn theo *Đóng góp của dòng họ Lương vào lịch sử Cận đại Việt Nam*, tư liệu Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học quốc gia Hà Nội.

Quốc). Từ đây, ông đi Bắc Hải và Hương Cảng. Vào khoảng cuối tháng 10 - 1905, Lương Ngọc Quyến đến Hoành Tân. Sau khi đến đất Nhật, Lương tìm gặp Phan Bội Châu và sau đó được bố trí vào học Trường Chấn vũ học hiệu, chuyên đào tạo các cán bộ quân sự ở Đông Kinh, cùng với Nguyễn Điển và Trần Hữu Công. Còn Lương Nghị Khanh, một người em của Lương Ngọc Quyến, đã theo anh xuất dương sang Nhật ít lâu sau thì được đưa vào học Trường Đồng Văn thư viện để nghiên cứu chính trị, kinh tế học. Như vậy, Lương Ngọc Quyến là một trong số bốn thanh niên Việt Nam đầu tiên sang đất Nhật học tập theo tiếng gọi của phong trào Đông Du.

Chấn Vũ học hiệu, nơi Lương Ngọc Quyến theo học là một trường quân sự, thu nhận rất nhiều học sinh Trung Quốc. Thời gian học ở đây là 3 năm. Những học sinh giỏi và tốt nghiệp xuất sắc sẽ được học tiếp 2 năm nữa ở trường sĩ quan. Chương trình học của trường bao gồm các môn tiếng Nhật, văn học Nhật, môn toán, địa lý..., trong đó chú trọng nhất là môn học quân sự.

Để tổ chức và quản lý công việc học tập và sinh hoạt của du học sinh Việt Nam ở Đông Kinh, Phan Bội Châu đã thành lập tổ chức Công hiến hội, trong đó có sự tham gia của Lương Ngọc Quyến, Nguyễn Điển. Tuy nhiên học sinh Việt Nam đã học tập với tinh thần tự giác, chăm chỉ. Nhờ trí tuệ thông minh và ý thức ham học hỏi, Lương Ngọc Quyến đã trở thành một trong ba học sinh đỗ đầu(1) của Trường Chấn Vũ học hiệu.

Sau khi phong trào Đông Du tan vỡ, Lương Ngọc Quyến rời khỏi nước Nhật, trở về Trung Quốc và vào học Trường Sĩ quan Quảng Đông. Cũng trong thời gian này, Lương Ngọc Quyến đã làm lễ thành hôn với Nguyễn Thị Hồng Đỉnh - người con gái út của nhà yêu nước Nguyễn Hữu Cương quê ở Thái Bình. Sự kiện này đã gắn bó số phận, cuộc đời của hai con người có chung một ý nguyện, một mục đích

cứu dân cứu nước vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. (Từ đây, Nguyễn Thị Hồng Đỉnh "khi ở Hà Nội, khi Nam Vang hiểu thân giáo tử, lúc Hàng Châu khi ở Thượng Hải thủ thất theo chồng" (tức là khi ở Hà Nội, lúc đến Nam Vang phụng dưỡng cha già (2), dạy bảo con thơ, lúc đến Hàng Châu khi Thượng Hải trọn đạo chồng).

Trong thời gian cách mạng Trung Hoa bùng nổ, Lương Ngọc Quyến đi Thượng Hải dự định tập hợp lực lượng chống Viên Thế Khải, nhưng việc không thành. Sau đó, ông lên Bắc Kinh học ở Trường Quán quân học hiệu, rồi lại bỏ đi Võ Xương. Tại đây ông được bổ chức thiếu tá quân đội cách mạng Trung Hoa, trực tiếp chỉ huy một lữ đoàn lục quân. Năm 1912, nghe tin Việt Nam Quang phục hội được thành lập ở Quảng Đông, Lương Ngọc Quyến xin từ chức sĩ quan quân đội, rồi về tham gia Hội Quang phục và được bầu làm ủy viên quân sự trong Bộ chấp hành.

Với tư cách là một trong những người lãnh đạo của Quang phục quân, Lương Ngọc Quyến rất tích cực hoạt động nhằm tuyển mộ lực lượng, tổ chức huấn luyện quân sự, chuẩn bị ráo tiết cho mục đích cứu nước. Mùa thu năm 1914, chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, các sĩ phu trong Hội Việt Nam Quang phục dự định thu góp tiền bạc, mua vũ khí và mộ quân kéo về biên giới đánh Pháp. Nhưng rồi ý đồ đó cuối cùng cũng bị thực dân Pháp câu kết với chính quyền địa phương Trung Quốc phá vỡ.

Vào khoảng cuối năm 1914, theo phân công của tổ chức, Lương Ngọc Quyến đáp tàu về Nam Kỳ, rồi dự định đi Thái Lan để gây dựng cơ sở cách mạng, chiêu tập binh sĩ, tổ chức huấn luyện quân sự, sẵn sàng chờ cơ hội về

(1)- Ba học viên đỗ đầu gồm Lương Ngọc Quyến, một người Nhật là Đường Kế Nghiêu và một người Trung Hoa, sau này trở thành Đô đốc tỉnh Vân Nam.

(2)- Tức cụ Lương Văn Can trong thời gian bị lưu đày trên đất Cam Pú Chia.

nước đánh Pháp khôi phục giang sơn Tổ quốc.

Nhưng ngay sau khi về nước, ông đã bị bọn tay sai mật thám Pháp theo dõi và tìm cách truy bắt. Trước tình hình đó, ông lánh sang Nam Vang (nơi cha ông đang bị lưu đày) và trốn đi Hương Cảng. Tại đây, ông bị mật thám Anh bắt giao cho Pháp. Khoảng tháng 2 - 1915, Lương Ngọc Quyến bị chính quyền Pháp giải về nước và giam ở Hỏa Lò (Hà Nội).

Tại Hà Nội và Nam Định, bọn Pháp tìm mọi cách mua chuộc, dụ dỗ ông nhưng không được. Vì vậy, chúng đã giải ông đi qua nhiều nhà lao ở các tỉnh Cao Bằng, Sơn Tây, Phú Thọ. Ở đâu ông cũng bị giam cầm và hành hạ rất dã man. Trong hơn 4 tháng bị giam giữ ở nhà lao Phú Thọ, do bị đối đãi cực hình, Lương Ngọc Quyến đã phát ốm và hóa bệnh thần kinh. Lúc bấy giờ, chúng mới đưa ông về giam ở Hà Nội và cho ông được chọn nơi "phát vắng". Mặc dù bị đau yếu nhưng ở nhà tù Hỏa Lò, Lương Ngọc Quyến vẫn tuyên truyền cách mạng cho các tù nhân khác, khiến cho Thống sứ Bắc Kỳ phải có thư (vào các ngày 19 - 10 - 1915 và 2 - 9 - 1916) đề nghị Toàn quyền Đông Dương đưa ông đi giam giữ ở nơi khác.

Theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 22 - 4 - 1916, hệ thống nhà tù Pháp lúc bấy giờ bao gồm nhà lao Thái Nguyên cùng với các nhà lao Cao Bằng, Lai Châu, Sơn La... được dùng để giam những người bản xứ Á Đông bị tòa án Pháp ở Bắc Kỳ kết án khổ sai chung thân" (1). Nhưng bọn thực dân nhận định rằng nhà tù Cao Bằng giáp biên giới nên tù nhân dễ vượt ngục; còn nhà tù Sơn La và Lai Châu chỉ là những nơi giam giữ đơn sơ (2) nên càng không thích hợp với việc giam giữ các tù nhân nguy hiểm như Lương Ngọc Quyến. Vì vậy, chỉ có nhà lao Thái Nguyên - vừa được sửa sang, cải tạo - mới có điều kiện giam giữ bảo đảm hơn. Theo bọn thực dân thì nhà tù Thái

Nguyên "được bố trí tốt, giám ngục là một viên chức người ở chính ngạch, lại đặt dưới quyền điều khiển của một viên công sứ (Darles) "mẫn cán, tinh tường và cương nghị".

Từ cách tính toán đó, ngày 25 - 7 - 1916, thực dân Pháp đưa Lương Ngọc Quyến lên giam giữ tại nhà tù Thái Nguyên. Tại đây ông bị ngược đãi và thường xuyên bị tra tấn, hành hạ dã man. Lúc đầu, bọn Pháp mới chỉ bắt ông mang gông cổ và dây xích chân nặng hơn các tù nhân khác. Về sau, chúng dùng thùng bần chân ông rồi luồn dây xích sắt vào làm cho chân ông bị liệt, thân thể tàn phế. Mặc dù bị tra tấn cực hình, sức khỏe suy kiệt, Lương Ngọc Quyến vẫn không sờn lòng nản chí. Ông tìm cách tiếp xúc và giác ngộ tinh thần yêu nước và cách mạng cho anh em binh lính Việt Nam trong trại giam và trại lính khổ xanh. Trong số những binh sĩ được ông giác ngộ và cảm hóa có viên đội trưởng Trịnh Văn Cấn, sau này trở thành vị thủ lĩnh số 1 của đội quân khởi nghĩa Thái Nguyên.

Trịnh Văn Cấn, thường gọi là Đội Cấn quê ở làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, xuất thân trong một gia đình nông dân, bị sung vào lính rồi trở thành đội trưởng. Trong thời gian đi lính cho Pháp, ông ngày càng nhận thấy thái độ khinh miệt binh lính người Việt và hành động bất nhân, tàn bạo của bọn thực dân đối với các tầng lớp nhân dân ta. Năm 1917, ông được điều về đóng quân tại thị xã Thái Nguyên. Lúc bấy giờ nhà lao Thái Nguyên có 210 tù nhân. Trong số 42 chính trị phạm, ngoài Lương Ngọc Quyến còn có các bộ tướng của Đề Thám và cả những người có liên quan tới các vụ ném

(1)- Theo Vũ Văn Tỉnh - *Một chút tài liệu về Lương Ngọc Quyến*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 128, 1969, tr. 61.

(2)- Dương Kinh Quốc - *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1945)*, tập II, Nxb KHXH, H, 1982, tr. 231.

hôm năm 1913 ở Bắc Kỳ và cuộc âm mưu khởi nghĩa của Duy Tân năm 1916 ở Trung Kỳ do Việt Nam Quang phục hội tổ chức.

Với tinh thần yêu nước, Đội Cấn rất quý mến và tỏ lòng khâm phục những con người đó, nhất là đối với Lương Ngọc Quyến, một người đã vì nghĩa lớn mà chấp nhận tù tội, cực hình. Tình cảm mến phục đó cuối cùng đã đưa Đội Cấn gặp Lương Ngọc Quyến. Với tư cách là Ủy viên quân sự của Bộ chấp hành Việt Nam Quang phục Hội, Lương Ngọc Quyến đã đem tôn chỉ mục đích của Hội giới thiệu với Đội Cấn. Nhận thấy mục đích của Hội Quang phục là chính nghĩa, Trịnh Văn Cấn đã quyết định đứng dưới bóng cờ của tổ chức này và hoàn toàn ủng hộ lý tưởng chống Pháp của Lương Ngọc Quyến.

Trên cơ sở tin cậy và ủng hộ lẫn nhau, hai ông đã trao đổi ý kiến và bàn định kế hoạch tiến hành khởi nghĩa tại Thái Nguyên. Lực lượng khởi nghĩa chủ yếu dựa vào anh em binh lính người Việt và số tù nhân đang bị giam giữ tại tỉnh lỵ. Thời gian khởi nghĩa thống nhất tiến hành vào đêm ngày 30 - 8 - 1917.

Theo đúng kế hoạch đã định, vào khoảng 10 giờ đêm ngày 30 - 8 - 1917, lực lượng khởi nghĩa gồm 300 người do Trịnh Văn Cấn trực tiếp chỉ huy, đã nổi dậy giết tên giám binh Nô-en (Noél) và lần lượt cướp kho súng, phá nhà lao để giải phóng Lương Ngọc Quyến cùng các tù nhân khác, rồi chiếm các công sở của Pháp. Tiếp đó, hội đồng quân sự đã họp và quyết định bầu Đội Cấn làm Thái Nguyên Quang phục Đại đốc phụ trách việc quân, đồng thời cử Lương Ngọc Quyến làm cố vấn, kiêm Phó tư lệnh quân khởi nghĩa. Cho đến sáng ngày 31 - 8 - 1917, quân khởi nghĩa đã hoàn toàn làm chủ thị xã và ra tuyên bố Thái Nguyên độc lập (1), đồng thời lấy quốc hiệu là Đại Hùng biểu trưng cho sức mạnh hùng tráng của nước non Đại Việt để đặt tên cho xứ sở vừa giành được tự do.

Lá cờ "Ngũ tinh liên châu" (năm ngôi sao đỏ trên nền trời trắng) cũng phấp phới tung bay trong tỉnh lỵ. Cuộc khởi nghĩa đã giành được thắng lợi hết sức nhanh chóng. Nhưng đây cũng là thắng lợi đầu tiên và to lớn nhất của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược từ cuối thế kỷ XIX cho đến lúc bấy giờ. Vì vậy có nhiều vấn đề chưa từng được đặt ra trong tình thế tương tự.

Trong bối cảnh đó, nhiều khó khăn bắt đầu nảy sinh. Song vấn đề đặt ra cấp bách nhất lúc này là làm thế nào để có thể giữ gìn, củng cố và tiếp tục phát huy thành quả của cuộc khởi nghĩa. Nhằm giải quyết vấn đề này đã xuất hiện hai ý kiến, quan điểm khác nhau. Ý kiến thứ nhất chủ trương cố thủ tại tỉnh lỵ Thái Nguyên vì lực lượng khởi nghĩa lúc này còn quá mỏng. Còn ý kiến thứ hai lại muốn nhân đà thắng lợi nhanh chóng đánh rộng ra các vùng phụ cận để bổ sung lực lượng, mở rộng phạm vi và địa bàn của nghĩa quân, từng bước tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn.

Là một quân sự kiêm chỉ huy phó lực lượng khởi nghĩa, Lương Ngọc Quyến cũng ngày đêm suy tính kế sách đấu tranh, nhưng không tán thành cả hai ý kiến nói trên. Đối với ý kiến thứ nhất, ông cho rằng nghĩa quân số lượng ít, vũ khí có hạn nên không thể cố thủ ở tỉnh lỵ để đánh lâu dài. Còn ý kiến thứ hai thì theo ông cũng khó thành công vì với lực lượng vài trăm người, vũ khí ít, nghĩa quân làm sao có thể chia đi đánh chiếm nhiều tỉnh thành mà đạt kết quả được. Chính vì vậy, Lương Ngọc Quyến chủ trương nhanh chóng thu gom vũ khí, lực lượng và rút khỏi Thái Nguyên, rồi kéo lên biên giới Quảng Tây, dựa vào địa thế hiểm trở để xây

1)- Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm... - *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, Nxb Giáo dục, H, 1961, tr. 318.

Cả hai tờ tuyên ngôn đều có sự tham gia góp ý sửa chữa, hoặc chấp bút của Lương Ngọc Quyến

dựng căn cứ, mộ thêm quân, tổ chức tập luyện quân sự, hình thành các đạo quân mạnh, đồng thời kêu gọi và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của nước ngoài, tạo ra những điều kiện cần thiết để độ sức thắng lợi với kẻ thù nhằm mưu nghiệp lớn.

Giữa lúc cuộc tranh luận về phương hướng phát triển của cuộc khởi nghĩa đang diễn ra gay gắt thì thực dân Pháp khẩn trương huy động lực lượng ~~và~~ kéo về Thái Nguyên để đàn áp quân khởi nghĩa. Sáng ngày 2 - 9 - 1917, quân đội Pháp với sự yểm trợ của pháo binh bắt đầu mở cuộc phản công chiếm lại tỉnh lỵ Thái Nguyên. Nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến đã chiến đấu hết sức ngoan cường, liên tiếp đẩy lùi nhiều đợt tấn công của quân Pháp. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng không cân sức (phía Pháp có chừng 800 tên gồm cả lính Pháp, lính Lê dương và lính khố đỏ, ngoài ra còn được sự yểm trợ của ô tô, đại bác; trong khi đó nghĩa quân chỉ có trên 300 người, vũ khí đạn dược thiếu thốn) nên sau 4 ngày quyết đấu, đến trưa ngày 5 - 9 - 1917, quân Pháp lại giành quyền làm chủ Thái Nguyên, buộc nghĩa quân phải rút khỏi tỉnh lỵ. Trên đường rút lui, Lương Ngọc Quyến bị thương và đã anh dũng hy sinh (1). Còn lại một mình, Trịnh Văn Cấn tiếp tục chỉ huy nghĩa quân duy trì cuộc chiến đấu cho đến đầu tháng giêng năm 1918. Sau cái chết đầy oanh liệt của Đội Cấn vào ngày 10 - 1 - 1918, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên cũng hoàn toàn thất bại.

~~Từ trước tới nay, người ta chỉ quan niệm~~ khởi nghĩa Thái Nguyên ^{lần này, một sự hy sinh} là cuộc nổi dậy tự phát, một cuộc binh biến bình thường của binh sĩ Việt Nam ^{ở đây} ~~trong quân đội Pháp~~. Nhưng trên thực tế, cuộc khởi nghĩa là kết quả tích lũy lực lượng và chuẩn bị khá lâu dài của tổ chức Việt Nam Quang phục Hội. Tuy đến cuối đại chiến I, Việt Nam Quang phục Hội không còn tồn tại

đầy đủ các cơ quan và bộ máy tổ chức như trước đó, nhưng thông qua Lương Ngọc Quyến và một số thành viên khác, tổ chức này vẫn tiếp tục góp phần quan trọng vào việc giác ngộ tư tưởng yêu nước, cổ vũ phong trào đấu tranh chống Pháp của các tầng lớp nhân dân ta. Chính nhờ công tác tuyên truyền vận động cách mạng của Lương Ngọc Quyến mà cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã hình thành và bùng nổ thắng lợi. ~~Non nửa~~ Trên lá cờ chiến thắng của mình, nghĩa quân Thái Nguyên đã sử dụng biểu tượng lá cờ của Việt Nam Quang phục hội. Bản thân Trịnh Văn Cấn, vị chỉ huy cao nhất của cuộc khởi nghĩa cũng tự coi mình là hội viên của tổ chức này. Như vậy, khởi nghĩa Thái Nguyên không phải là cuộc nổi dậy tự phát, mà là một phong trào đấu tranh có tổ chức và mục đích rõ ràng nhằm thực hiện một bước ^{đường} ~~đi lên~~ ^{đến} ~~phục hồi~~ ^{phục hồi} ~~lối chính trị của Việt Nam Quang phục hội.~~

Có thể nói thắng lợi của khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) là thắng lợi ^{lớn} ~~lớn~~ đầu tiên và tiêu biểu ^{ở đây} ~~(có một không hai)~~ của phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta vào thời kỳ trước khi có Đảng. Thắng lợi đó không thể tách rời công lao ~~to lớn~~ và sự hy sinh cao cả của nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến. Suốt cuộc đời mình, ông đã bền bỉ đấu tranh không mệt mỏi và đã anh dũng ngã xuống vì nền độc lập tự do của dân tộc ở lứa tuổi 30 đầy sinh lực, để lại cho đời một tấm gương tận tụy, thủy chung vì nghĩa lớn. Tên tuổi và sự nghiệp của ông không chỉ gắn liền với những trang sử hào hùng chống xâm lược Pháp của nhân dân Thái Nguyên, mà còn mãi mãi đi vào ký ức của hàng triệu người dân Việt, và trở thành niềm tự hào chính đáng của nhân dân cả nước

(1)- Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu - Danh nhân lịch sử Việt Nam, tập II, Nxb Giáo dục, H, 1988, tr. 148.